

Số: /TTr-HHVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO



TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 20/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ("Ban Chỉ đạo") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

1. Môi trường hoạt động năm 2019

Tình hình kinh tế thế giới năm 2019 tiếp tục đối mặt với nhiều bất ổn, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung; Hàn Quốc và Nhật Bản diễn biến phức tạp. Hầu hết các nền kinh tế đều đi xuống; kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại, sự cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá dầu thô biến động mạnh; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên; nhiều quốc gia nới lỏng chính sách tài chính, tiền tệ, ...

Thực hiện khẩu hiệu hành động "Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả" nhất quán từ Chính phủ đến cộng đồng các doanh nghiệp, năm 2019 là năm thứ hai liên tiếp Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu, có 5 chỉ tiêu vượt kế hoạch (GDP đạt trên 6,8%, CPI dưới 3%, xuất khẩu tăng 7,9%), môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, phê chuẩn CPTPP, ký EVFTA. Các tổ chức quốc tế uy tín và nhiều quốc gia, đối tác đánh giá cao và khẳng định Việt Nam tiếp tục là một điểm sáng trong khu vực và toàn cầu;

các chỉ số về môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, logistics đều có tăng trưởng vượt bậc so với năm 2018.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Khôi cảng biển

Mặc dù vẫn còn rất nhiều khó khăn trong bối cảnh hàng loạt các cảng mới ra đời và đi vào khai thác tại các khu vực tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn, khôi cảng biển của Tổng công ty năm 2019 vẫn có sự tăng trưởng và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, đóng góp trọng yếu vào kết quả kinh doanh năm 2019 của Tổng công ty. Trong năm 2019, hệ thống cảng của Tổng công ty đã thu hút thêm 11 dịch vụ (services). Hầu hết các cảng đều kinh doanh hiệu quả, tăng trưởng so với cùng kỳ và vượt mức kế hoạch. Một số cảng hiệu quả kinh doanh còn thấp, vẫn còn tình trạng lổ và đang tiếp tục thực hiện tái cơ cấu.

Khôi vận tải biển

Các doanh nghiệp vận tải biển vẫn tiếp tục khó khăn khi thị trường nội địa và quốc tế không khả quan so với năm 2018. Với đội tàu vận tải biển trong nước, năm 2019 vẫn tiếp tục là một năm khó khăn, hoạt động không hiệu quả, giá cước vận chuyển Bắc - Nam chịu sự cạnh tranh lớn. Tổng doanh thu ước tính của khối vận tải biển chỉ đạt khoảng 75% kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do không hoàn thành công tác tái cơ cấu tài chính, xử lý tài sản. Ngoài ra, một số nguyên nhân khác như: chi phí khấu hao, lãi vay cao; thị trường nhiên liệu diễn biến thất thường; thị trường container nội địa chịu áp lực cạnh tranh lớn với các doanh nghiệp tư nhân do có thuận lợi về giá vốn..., đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh khối vận tải biển.

Khôi dịch vụ hàng hải

Năm 2019 là năm khối dịch vụ hàng hải tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Các lĩnh vực hoạt động truyền thống bị mất dần thị phần do kém ưu thế về cơ sở hạ tầng, quy mô nhỏ trong khi hoạt động vận tải biển và cảng biển dịch chuyển xu hướng upsized và nước sâu; đồng thời phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ các đơn vị tư nhân với cơ chế, chính sách giá linh hoạt; làn sóng sáp nhập hình thành các liên minh lớn trên thế giới; việc hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp trong nước ngày càng được mở rộng biên độ dẫn đến sự giảm dần trong sử dụng dịch vụ bên ngoài đã tác động làm suy giảm hiệu quả hoạt động của khối dịch vụ hàng hải. Tổng công ty đang tập trung chỉ đạo tiến hành tái cơ cấu để nâng cao năng lực cạnh tranh và hoạt động của Khối dịch vụ hàng hải.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh TH2019/ TH2018	So sánh TH2019/ KH2019
I	HỢP NHẤT						

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	So sánh TH2019/TH2018	So sánh TH2019/KH2019
1	Sản lượng hàng thông qua cảng	Triệu Tấn	94,12	99,93	106,24	112,87%	106,32%
2	Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn	26,73	19,94	23,05	86,21%	115,59%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	13.630	13.874	12.238	88,55%	86,99%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	549	304	687	51,25%	92,72%
II	CÔNG TY MẸ						
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn	8,43	4,67	5,82	69,05%	124,65%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.051	1.649	1.534	74,55%	92,70%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	76	0	(613)		

2.2 Kết quả hoạt động đầu tư

a. Đầu tư xây dựng cơ bản

Tại Quyết định số 137/QĐ-UBQLV ngày 09/5/2019, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (“Ủy ban”) đã phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2019 của Công ty mẹ - Tổng công ty với tổng giá trị đầu tư là 254 tỷ đồng (không bao gồm giá trị thu hồi Cảng Quy Nhơn).

Trong năm 2019, Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị 77,092 tỷ đồng, đạt 30,35% kế hoạch. Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Một số dự án đã triển khai thực hiện trong năm 2019 bao gồm: (i) dự án đầu tư xây dựng phát triển kho bãi khu vực ĐBSCL (đầu tư kho hàng 3.000m² tại Vinalines Hậu Giang); (ii) dự án đầu tư kho bãi tại Cảng Cần Thơ; (iii) dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin; (iv) dự án công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp phòng họp và phòng khách, sửa chữa, cải tạo sảnh G, lắp đặt bổ sung thang máy Tòa nhà Ocean Park.

Bên cạnh đó, một số dự án chưa được thực hiện theo đúng dự kiến và chuyển tiếp sang thực hiện trong năm 2020, bao gồm: (i) dự án Trung tâm phân phối hàng hóa tại Hà Nội; (ii) dự án đầu tư xây dựng phát triển kho bãi khu vực ĐBSCL (đầu tư kho hàng tổng hợp 2.900 m² tại Chi nhánh Hoàng Diệu - Cảng Cần Thơ); (iii) dự án Trung tâm phân phối hàng hóa Long Bình (TP Hồ Chí Minh);

(iv) dự án đầu tư kho bãi tại KCN Đồng Văn (Hà Nam); (v) dự án sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc; dự án đầu tư sà lan chở than.

Ngoài ra, đối với dự án đầu tư kho bãi hàng hóa tại KCN Bá Thiện (Vĩnh Phúc): Tổng công ty đã nhiều lần khảo sát, đánh giá về giá cả, thị trường, luồng hàng, lợi thế vị trí cũng như cân đối điều kiện tài chính cho thấy dự án có hiệu quả và tính khả thi không cao, Tổng công ty đề xuất dừng thực hiện dự án.

b. Đầu tư, bán thanh lý tàu

Trong năm 2019, các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty đã hoàn thành việc bán, thanh lý, xử lý giảm 06 tàu với tổng trọng tải 120 ngàn tấn DWT.

c. Đầu tư vốn

- Tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ: Sau khi được chấp thuận, Tổng công ty đã hoàn thành các thủ tục tăng phần vốn góp của Tổng công ty tại Vinalines Đình Vũ trong năm 2019.

- Thu hồi cổ phần tại Cảng Quy Nhơn: Năm 2019, Tổng công ty đã hoàn thành việc trả tiền để thu hồi 75,01% cổ phần tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn theo kết luận của Thanh tra Chính phủ.

d. Thoái, giảm vốn

Triển khai thực hiện kế hoạch tại các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GTVT, Ủy ban (Văn bản số 86/TTg-ĐMDN ngày 13/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 198/BGTVT-QLDN ngày 30/3/2018 của Bộ GTVT, Văn bản số 1154/UBQLV-CNHT ngày 19/8/2019 của Ủy ban), trong năm 2019, Tổng công ty đã thực hiện thoái một phần vốn tại Công ty cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, hoàn thiện thẩm định giá khoản đầu tư vốn tại Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu và có chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Vận tải biển và Thương mại Phương Đông.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, thách thức và cơ hội đan xen. Chủ trương lớn từ Nghị quyết số 36-NQ/TW về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045, Hiệp định Đối tác toàn diện tiến bộ thương mại Châu Á - Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực từ năm 2019, Hiệp định Thương mại Việt Nam - EU (EVFTA) đã được Quốc hội phê chuẩn thông qua trong tháng 6/2020 và các hiệp định, hợp tác khác đã đưa Việt Nam tham gia thương mại bình đẳng trên phạm vi toàn cầu.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải biển, cảng biển và dịch vụ hàng hải là ngành nghề chịu tác động trực tiếp từ thị trường và cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu. Với những cơ hội, thách thức trong thời kỳ hội nhập sâu rộng, toàn diện của Việt Nam như hiện nay, Tổng công ty tiếp tục tái cơ cấu, đầu tư phát triển nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thực hiện các mục tiêu đến năm 2025 là đơn vị hàng đầu trong cung cấp dịch vụ chuỗi logistics trọn gói tại Việt Nam trên cơ sở khai thác tối ưu và tạo lập những lợi thế cạnh tranh hiện hữu và tiềm tàng; trong đó mục tiêu kinh doanh là củng cố



và phát triển hệ sinh thái tích hợp, kết nối hoạt động cảng biển - vận tải biển - dịch vụ logistics. Trong đó, cảng biển phát huy tối đa vai trò là trụ cột, đòn bẩy, động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc của Tổng công ty.

1. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020

Ngay từ đầu năm 2020, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã có Quyết định số 39/QĐ-UBQLV ngày 21/01/2020 về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

Theo đó:

- Tổng doanh thu của Công ty mẹ - Tổng công ty: 1.555 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ: 51 tỷ đồng.

Căn cứ tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu có thể kéo dài đến hết năm 2020, tác động rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh; căn cứ thực tế kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam; kế hoạch chính thức chuyển đổi Công ty mẹ - Tổng công ty sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ cuối tháng 8/2020 (áp dụng các quy định về hạch toán kế toán đối với doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa đối với 04 tháng cuối năm 2020);

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty năm 2020 được điều chỉnh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2020 theo QĐ39 của UBQLV	Kế hoạch kinh doanh năm 2020		
				Năm 2020	08 tháng đầu năm 2020	04 tháng cuối năm 2020
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu Tấn		5,16		
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.555	1.526	894	632
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51	(1.024,84)	(139,73)	(885,11)

(Giai đoạn 08 tháng đầu năm 2020, Công ty mẹ - Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên; giai đoạn 04 tháng cuối năm 2020, Công ty mẹ - Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần).

Số liệu kế hoạch kinh doanh trên đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-HHVN ngày 21/7/2020.

Một số nội dung ảnh hưởng chủ yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty gồm:

(1) *Kết quả kinh doanh của các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid 19 và sự suy giảm thương mại toàn cầu:*

- Với diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19, việc tìm nguồn hàng cho các tàu vô cùng khó khăn. Dịch bệnh đã làm suy giảm thị trường vận tải, làm mức TC trung bình của đội tàu giảm mạnh so với kế hoạch xây dựng. Đặc biệt, giai đoạn cuối tháng 3 và tháng 4/2020, hầu hết các quốc gia trong khu vực Châu Á đã có các biện pháp ứng phó chặt chẽ với dịch Covid-19, đã áp dụng phong tỏa toàn quốc, không tiếp nhận tàu làm hàng như: Ấn Độ, Malaysia, Phillipines. Việc cách ly tàu 14 ngày gây khó khăn cho tàu vào làm hàng tại cảng, ảnh hưởng tiến độ làm hàng, kéo dài thời gian thực hiện chuyển hàng làm giảm doanh thu, tăng chi phí. Một số lô hàng đang giao dịch như bentonite, sắt từ Ấn Độ về Đông Nam Á, xi măng xuất khẩu đi Phillipines; gạo từ Thái Lan đi Phillipines đều bị hủy hợp đồng vận chuyển do các hợp đồng mua bán bị dừng lại. Kết quả khai thác đội tàu năm 2020 thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty (VLC) giảm mạnh.

- Việc bán thanh lý các tàu biển theo kế hoạch cũng bị ảnh hưởng do vào thời điểm hiện nay, giá mua bán tàu trên thị trường giảm sút dẫn tới việc giá trị dự kiến thu hồi khi bán tàu V.Freedom và tàu V.Green giảm so với kế hoạch xây dựng trước đây.

- Đối với Chi nhánh Vinalines tại Hải Phòng: Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh giảm do tác động của đại dịch Covid-19. Ngoài ra, đơn vị thực hiện phân bổ chi phí sửa chữa năm 2019 theo yêu cầu của đơn vị kiểm toán; chi phí thuê đất năm 2020 của Chi nhánh và trạm xăng dầu tăng so với dự kiến.

- Đối với Văn phòng Tổng công ty: Dự kiến tăng lãi do có sự giảm mạnh về chi phí, cụ thể: cắt giảm 10% tổng chi phí quản lý doanh nghiệp; Quỹ tiền lương xây dựng ban đầu theo kế hoạch trả lương 3Ps, tuy nhiên do tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn trước tác động của dịch Covid-19 nên dự kiến quỹ tiền lương bằng kế hoạch năm 2019; một số hạng mục xây dựng, sửa chữa, trang bị phần mềm chậm tiến độ thực hiện, quyết toán nên các chi phí phân bổ, khấu hao thấp hơn kế hoạch.

(2) *Liên quan đến các yếu tố chi phí phải phân bổ, trích lập ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận 04 tháng cuối năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - công ty cổ phần:*

Thực hiện theo các quy định về cổ phần hóa, ngay sau khi chuyển thành công ty cổ phần, Công ty mẹ - Tổng công ty phải thực hiện phân bổ, trích lập các tồn tại về tài sản, công nợ tồn đọng trong giai đoạn doanh nghiệp nhà nước chưa được xử lý. Các yếu tố chi phí cần phải phân bổ, trích lập bổ sung bao gồm: Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp; trích lập các khoản dự phòng: nợ phải thu khó đòi, đầu tư tài chính dài hạn, giảm giá hàng tồn kho; dự phòng chi phí các dự án dở dang tồn đọng (Dự án Cảng Vân Phong, Dự án Cảng Lạch Huyện).

Căn cứ của việc phải trích lập bổ sung chủ yếu như sau:

- Do sự thay đổi của chính sách nhà nước về cổ phần hóa: Bộ Tài chính đang trình Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và sẽ được áp dụng khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình CTCP. Theo đó, Nghị định sửa đổi sẽ bổ sung khoản 8 Điều 48 Nghị định số 126 như sau: “Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành”.

- Thời gian từ khi xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2016) đến thời điểm dự kiến Tổng công ty chính thức thành CTCP (dự kiến 16/8/2020) kéo dài gần 4 năm. Trong thời gian đó, các biến động về tài sản, công nợ là rất lớn; đặc biệt với Tổng công ty các tồn tại về tài sản, công nợ nêu trên đã kéo dài nhiều năm với giá trị lớn, chưa đủ điều kiện loại trừ ra khỏi giá trị doanh nghiệp nhưng vẫn chưa được xử lý dứt điểm trong giai đoạn cổ phần hóa, không được phép trính lập, phân bổ trong giai đoạn chưa chính thức chuyển sang CTCP. Vì vậy, ngay sau khi chuyển sang mô hình CTCP, Tổng công ty phải tiếp tục gánh chịu các tồn thất về tài sản, công nợ trong giai đoạn doanh nghiệp nhà nước chưa được xử lý.

Tổng giá trị các khoản phân bổ, trích lập bổ sung vào kết quả hoạt động kinh doanh năm đầu tiên (04 tháng cuối năm 2020) của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP, dự kiến là 940,63 tỷ đồng, bao gồm:

- Bổ sung phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh khi CPH: 130,17 tỷ đồng
- Bổ sung chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi: 288,86 tỷ đồng
- Bổ sung chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 200,00 tỷ đồng
- Bổ sung chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: 86,74 tỷ đồng
- Bổ sung chi phí dự phòng tổn thất dự án Cảng Vân Phong: 213,00 tỷ đồng
- Bổ sung chi phí tổn thất dự án Cảng Lạch Huyện: 21,86 tỷ đồng

Như vậy, việc bổ sung phân bổ, trích lập dự phòng nêu trên dẫn tới chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận 04 tháng cuối năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP như sau:

(a) Lợi nhuận kế hoạch 04 tháng cuối năm 2020 theo dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh là 55,52 tỷ đồng.

(b) Bổ sung các khoản chi phí phân bổ, trính lập bổ sung khi Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam chuyển sang CTCP là 940,63 tỷ đồng.

(c) Lợi nhuận kế hoạch 04 tháng cuối năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung các khoản chi phí phân bổ, trích lập là âm (-) 885,11 tỷ đồng (c = a + b).

(Số liệu điều chỉnh kế hoạch hoạt động kinh doanh 04 tháng cuối năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty nêu trên đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thống nhất thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-HHVN ngày 21/7/2020).

2. Kế hoạch đầu tư năm 2020

2.1 Các dự án đầu tư năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2019, căn cứ nhu cầu, định hướng phát triển, Tổng công ty xây dựng kế hoạch đầu tư năm 2020 bao gồm một số hạng mục được chuyển tiếp từ năm 2019 và các hạng mục đầu tư mới.

(1) Đầu tư cơ sở hạ tầng: Bao gồm 06 dự án với giá trị thực hiện kế hoạch năm 2020 là 113,89 tỷ đồng.

(2) Đầu tư mua sắm trang thiết bị: Bao gồm 06 dự án với giá trị thực hiện kế hoạch năm 2020 là 230,02 tỷ đồng.

(3) Các dự án công nghệ thông tin với giá trị thực hiện kế hoạch là 11,8 tỷ đồng và một số dự án khác với giá trị thực hiện kế hoạch là 35,85 tỷ đồng.

(Chi tiết kế hoạch đầu tư tại Phụ lục số 01 đính kèm).

Đối với Dự án Đầu tư xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong giai đoạn khởi động (“Dự án Cảng Vân Phong”):

Dự án Cảng Vân Phong đã dừng thực hiện từ tháng 9/2012 theo Văn bản số 6881/VPCP-KTN ngày 04/9/2012 của Văn phòng Chính phủ. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty (ngày 31/12/2016), chi phí xây dựng dở dang của Dự án Cảng Vân Phong đã được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Thời gian qua, Tổng công ty thực hiện bàn giao Dự án cho Cục Hàng hải Việt Nam theo chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền nhưng trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc nên chưa hoàn thành việc bàn giao.

Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong đã có Thông báo số 57/TB-KKT ngày 05/12/2012 để thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động của Dự án, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của Dự án. Đồng thời, UBND tỉnh Khánh Hòa có Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 23/02/2013 thu hồi đất của Dự án.

Cho đến nay, để xử lý tồn tại của Dự án Cảng Vân Phong, Bộ Giao thông vận tải đã có Văn bản số 5781/BGTVT-QLDN ngày 15/6/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện thanh lý tài sản của Dự án. Tổng công ty sẽ thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

2.2 Đầu tư vốn/thoái vốn

- Đầu tư vốn: Hoàn tất chuyển giao Cảng Quy Nhơn theo kết luận của Thanh tra Chính phủ: khoảng 65 tỷ đồng.

- Thoái vốn: Năm 2020, Tổng công ty dự kiến thoái, giảm vốn tại 13 doanh nghiệp *(Chi tiết kế hoạch thoái vốn tại Phụ lục số 02 đính kèm).*

2.3 Kế hoạch bán/thanh lý tàu

Tổng số tàu bán/thanh lý năm 2020 của đội tàu các công ty con và Công ty mẹ - Tổng công ty là 15 tàu với tổng trọng tải 366.844 DWT, trong đó:

- Các tàu bán/thanh lý chuyên tiếp từ kế hoạch năm 2019: 08 tàu, tổng trọng tải 185.172 DWT.

- Các tàu bán/thanh lý năm 2020: 07 tàu, tổng trọng tải 181.672 DWT.

(Tổng số tàu bán/thanh lý và bàn giao năm 2020 của Công ty mẹ tại Phụ lục số 03 đính kèm).

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

3.1 Giải pháp thị trường

a. Đẩy mạnh công tác thị trường, tiếp thị khách hàng

- Đối với công tác phát triển thị trường: Khai thác các kênh thông tin để lắng nghe ý kiến khách hàng; Khảo sát thị trường, khách hàng, nâng cao chất lượng công tác phân tích, đánh giá và dự báo thị trường; Xây dựng chính sách đa dạng hóa dịch vụ và tăng năng suất, thu hút hàng container nội địa, mở tuyến container quốc tế.

- Đối với công tác tiếp thị: Tổ chức hội nghị khách hàng, giới thiệu dịch vụ nhằm nâng cao thương hiệu của Tổng công ty; tham gia sâu vào các hiệp hội chủ tàu lớn, các tổ chức đánh giá tàu, ... để kết nối mạng lưới các đơn vị thành viên với các khách hàng tiềm năng, mở rộng khu vực hoạt động, mở rộng thị phần, nâng cao hiệu quả, đảm bảo an toàn khai thác tàu.

- Đối với công tác marketing: Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong việc đàm phán và ký kết hợp đồng; Xây dựng các chính sách marketing một cách đồng bộ gồm chính sách thị trường, chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và khuyến mãi, ...

- Đối với dịch vụ khách hàng: Tập trung vào công tác chăm sóc khách hàng, duy trì tốt các mối quan hệ với các khách hàng thông qua tìm kiếm các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và xử lý triệt để các ý kiến phản hồi của khách hàng, linh hoạt trong việc áp dụng các chính sách đối với từng nhóm khách hàng cụ thể.

b. Kế hoạch phát triển thị trường

- Để mở ra cơ hội phát triển kinh doanh mới cho các đơn vị, Tổng công ty sẽ linh hoạt bố trí tàu ghé thêm các cảng khác như Cần Thơ, Cam Ranh, ... khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển đủ lớn và phù hợp với tính toán chi phí của các công ty, ngoài kết nối các cảng chính như Cảng Hải Phòng, Cảng Sài Gòn, Cảng Đà Nẵng. Để tận dụng lợi thế là Tổng công ty lớn trong ngành, Tổng công ty sẽ duy trì và mở rộng các dịch vụ vận tải khác để chủ động và đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: trucking, sà lan, ...

- Phát triển thị trường khu vực đồng bằng sông Cửu Long: Để tận dụng và khai thác có hiệu quả các cơ sở hạ tầng hiện có tại khu vực thành phố HCM, Vũng Tàu, Cần Thơ, Hậu Giang, ... kết hợp năng lực vận chuyển của đội tàu, trên cơ sở xác định Cảng Cần Thơ là đầu mối chủ chốt đóng vai trò trung chuyển và thu hút các luồng hàng tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long cũng như lượng hàng quá cảnh sang Campuchia bằng đường thủy ngày càng tăng, Tổng công ty dự kiến sẽ đầu tư, nâng cấp các cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị vận tải (sà lan, tàu vận chuyển

container chuyên dụng, ...), các trang thiết bị bốc xếp tại cảng, xe vận chuyển container chuyên dụng, ... để khai thác, mở tuyến vận tải container quốc tế.

- Đầu tư mở tuyến feeder từ Việt Nam đi các cảng trung chuyển trong khu vực: Trên cơ sở phân tích tình hình thực tế nhu cầu vận tải hàng hóa cũng như việc đầu tư phương tiện vận tải container (tàu vận tải chuyên dụng) phù hợp, dự kiến trong thời gian tới Tổng công ty sẽ nghiên cứu thời điểm thích hợp cũng như lựa chọn mở các tuyến feeder từ Việt Nam đi các cảng trung chuyển trong khu vực cũng như các cảng Nội Á.

3.2 Giải pháp về quản trị tài chính

- Tập trung tái cơ cấu nợ tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng thông qua các giải pháp chính như: Xử lý tài sản bảo đảm là các tàu hoạt động kém hiệu quả, mua bán nợ từ các tổ chức tín dụng thông qua DATC và VAMC, chuyển nợ thành vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty mẹ - Tổng công ty, chiết khấu trực tiếp đối với nợ tại các công ty tài chính, ...

- Nghiên cứu thị trường vốn để xác định kênh huy động vốn phù hợp, hiệu quả, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động ngoài vốn vay ngân hàng bằng cách mở rộng mối quan hệ, liên kết liên doanh với các công ty trong và ngoài nước; Xây dựng cấu trúc vốn tối ưu nhằm giảm rủi ro và giảm chi phí vốn.

- Tăng cường sự hợp tác với các định chế tài chính có uy tín trong và ngoài nước, các quỹ đầu tư tư nhân để nâng cao năng lực quản trị tài chính, thúc đẩy cơ hội hợp tác đầu tư hay tìm kiếm đối tác chiến lược.

- Rà soát, đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính nhằm mục đích tìm kiếm và loại bỏ các khoản đầu tư không hiệu quả; Nghiên cứu xây dựng các khoản mục đầu tư tài chính có tiềm năng.

3.3 Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm của người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp.

- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý đảm bảo phân công, phân cấp rõ ràng quyền lợi, trách nhiệm. Tăng cường quản trị rủi ro nội bộ, thiết lập hệ thống quản trị rủi ro gồm nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát rủi ro và giám sát rủi ro gắn liền với thị trường, chiến lược kinh doanh, kế hoạch tài chính và các quy trình nghiệp vụ.

- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai hệ thống quản trị tiên tiến theo các chuẩn mực quốc tế (Đề án phát triển nguồn nhân lực, Hệ thống đánh giá năng lực cán bộ KPI gắn liền với hệ thống trả lương 3Ps, Mô hình quản trị mới tại VIMC, Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2015, ...).

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, tự động hóa, công nghệ số, giải pháp dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, ... trong quản lý điều hành và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện thu gọn các đầu mối hoạt động, giảm trung gian nhằm đẩy nhanh tốc độ ra quyết định. Thiết lập cơ chế phân quyền tại từng cấp quản lý

trong các mảng hoạt động và giao dịch của VIMC nhằm khuyến khích quản lý cấp dưới thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm khi ra quyết định, từ đó tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy các cán bộ trong VIMC phát huy năng lực, kỹ năng cá nhân đóng góp cho mục tiêu phát triển chung của VIMC.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030: hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, sử dụng nguồn nhân lực; hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh từng năm; ...

3.4 Giải pháp phát triển kỹ thuật công nghệ

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, duy trì trạng thái kỹ thuật tốt của tàu, trang thiết bị máy móc, phương tiện thiết bị; bảo trì, bảo dưỡng đúng thời gian quy định của nhà sản xuất nhằm giảm thiểu các sự cố gây ảnh hưởng đến hành trình tàu hoặc hoạt động khai thác cảng.

- Áp dụng công nghệ mới, nghiên cứu thay thế các máy móc, phương tiện thiết bị hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu, hiệu suất sử dụng năng lượng sạch cao, giảm giá thành nhằm tăng sức cạnh tranh.

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; tăng cường nghiên cứu, đầu tư phần mềm quản lý đồng bộ cho các khối cảng, vận tải biển và dịch vụ để nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Phát triển Trung tâm công nghệ thông tin là đầu mối trong công tác nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển, tàu biển và dịch vụ logistics.

3.5 Các giải pháp đối với hoạt động vận tải biển

- Tái cơ cấu các doanh nghiệp, tăng tính năng động, linh hoạt trong điều hành doanh nghiệp. Tập trung tái cơ cấu đội tàu, bán, thanh lý những tàu cũ, không hiệu quả để cắt lỗ, giảm lỗ và tạo nguồn vốn đối ứng thực hiện các dự án đầu tư tàu khi thị trường có dấu hiệu hồi phục và khả năng tài chính cho phép.

- Thu gọn quy mô hoạt động vận tải biển, chỉ xem xét tăng quy mô ở một số phân khúc tàu chuyên dụng (tàu container, tàu vận tải than khối lượng lớn). Tiếp tục phát triển vận tải container tuyến nội Á và feeder khu vực các cảng nước sâu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận tải biển, đáp ứng nhu cầu vận tải biển nội địa; tập trung khai thác tối đa lợi thế trên tuyến vận tải trong nước, các tuyến biển gần đối với các loại hàng truyền thống.

- Từng bước nâng thị phần vận chuyên hàng hóa xuất, nhập khẩu; kết hợp vận chuyên hàng hóa giữa các cảng biển nước ngoài, trên tuyến biển xa. Chiếm lĩnh thị trường container nội địa và gom hàng cho tàu mẹ tại các cảng trung chuyển.

- Chủ động, tích cực phân tích, dự báo nhu cầu thị trường, đánh giá hiệu quả trên các tuyến vận chuyên, dự án vận chuyên, để chủ động phương án khai thác

nhu thuê chuyên, định hạn ngắn/dài, thuê thêm/cắt bớt tàu hoặc chủ động lịch lên đà sửa chữa, đưa tàu đến khu vực sao cho hiệu quả cao nhất, ...

- Duy trì và mở rộng các dịch vụ vận tải khác để chủ động và đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp cho khách hàng như: trucking, sà lan. Tăng cường kết nối các doanh nghiệp logistics, chú trọng đẩy mạnh phát triển chuỗi dịch vụ door to door. Nghiên cứu phát triển hình thức vận tải Ro-Ro.

- Nghiên cứu thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm năng lực thuyền viên.

- Đối với đội tàu hàng khô: Tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng dài hạn (COA) để ổn định nguồn hàng như than từ Indonesia, Úc về Việt Nam; xi măng bao, clinker từ Việt Nam xuất khẩu đi các nước khác, ...

- Đối với đội tàu dầu: Chủ động giao dịch sâu hơn với một số đối tác là các hãng dầu lớn như Shell, Chevron, Vitol, ... về việc hợp tác dài hạn, khai thác ổn định làm cơ sở để phát triển đội tàu dầu theo hướng thuê tàu trần cho thời hạn dài; Duy trì thường xuyên việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường để có những quyết định kinh doanh hợp lý, hiệu quả và tăng cường kiểm soát tốt các chi phí nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả khai thác tàu.

- Đối với đội tàu container: Tăng cường hợp tác với khách hàng, tìm kiếm thêm hàng của các mainlines, hàng "door to door", thu hút hàng từ khu vực miền Đông Nam Bộ.

- Phối hợp các doanh nghiệp cảng biển, logistics nghiên cứu, thiết kế các dịch vụ tích hợp trên cơ sở các nguồn lực cốt lõi của từng doanh nghiệp nhằm tạo ra chuỗi dịch vụ cung ứng trọn gói cho các khách hàng là các tập đoàn, tổng công ty, các đối tác lớn, các tập đoàn đa quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.6 Các giải pháp đối với hoạt động khai thác cảng biển

- Đánh giá và xem xét lựa chọn mô hình quản lý, tổ chức phù hợp cho từng doanh nghiệp khai thác cảng biển. Cùng cố bộ máy quản lý, thiết lập cơ cấu tổ chức năng động và linh hoạt để các doanh nghiệp khai thác cảng biển hoạt động hiệu quả trong môi trường cạnh tranh.

- Triển khai các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cảng biển theo định hướng đầu tư phát triển của Tổng công ty.

- Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, đánh giá nguồn hàng cũng như loại hàng hoá tại khu vực để đầu tư trang, thiết bị bốc xếp cho phù hợp, tránh việc đầu tư không hiệu quả.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý và bốc xếp, lắp đặt các thiết bị, cải tiến quy trình bốc xếp, phân đầu tăng năng suất lao động tối đa, sử dụng hết hiệu suất và công năng của cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cảng.

- Nghiên cứu xây dựng biểu cước phí cảng biển phù hợp, linh hoạt và theo kịp những thay đổi của công nghệ bốc xếp hàng hóa và phù hợp với môi trường cạnh tranh.



- Tăng cường công tác quản lý, đề ra những giải pháp thiết thực hiệu quả, tiết kiệm chi phí. rà soát, bổ sung định mức, kế hoạch sử dụng/duy tu/sửa chữa và kiểm soát đánh giá hiệu quả hoạt động của phương tiện trang thiết bị trong việc phục vụ sản xuất.

- Mở rộng, phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ kinh doanh khai thác dịch vụ hàng hải tại các cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng hơn của các khách hàng. Đặc biệt cùng các doanh nghiệp logistics và vận tải biển trong Tổng công ty để tạo ra những chuỗi sản phẩm có giá trị khác biệt.

- Đối với các cảng mới đầu tư, nghiên cứu hình thức liên doanh, liên kết không chỉ với các nhà khai thác cảng thuần túy để tận dụng kinh nghiệm vận hành cảng quốc tế, tiềm lực tài chính, công nghệ của các nhà khai thác cảng mà còn chú trọng liên doanh, liên kết với các hãng tàu lớn nhằm có được nguồn hàng lớn và ổn định từ chính các hãng tàu đó và có được cam kết mức sản lượng tối thiểu với cảng.

- Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng sau cảng cũng như các dịch vụ đi kèm như ngân hàng, hải quan, bảo hiểm, môi giới hàng hải, ... để đảm bảo sự thông suốt của luồng hàng, thực hiện được đầy đủ chức năng là trung tâm kết nối các công đoạn của quá trình vận chuyển hàng hóa.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài chính đối với các cảng liên doanh.

3.7 Các giải pháp đối với hoạt động dịch vụ hàng hải

- Cùng Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam và các Hiệp hội ngành nghề khác nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ trong việc hoàn thiện tuyến hành lang, khung pháp lý về quản lý các hoạt động logistics tại Việt Nam.

- Phát triển các hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết trong Tổng công ty, đối tác trong nước, đối tác nước ngoài giúp doanh nghiệp tham gia thị trường logistics quốc tế trong thời gian ngắn nhất, tạo thành mạng lưới cung cấp dịch vụ vận chuyển toàn cầu, tận dụng những lợi thế sẵn có về thị trường, mạng lưới đại lý, hạ tầng công nghệ thông tin, kinh nghiệm quản lý và hạn mức tín dụng của đối tác nước ngoài.

- Nâng tầm chất lượng dịch vụ, phát triển thêm các dịch vụ gia tăng đối với khách hàng. Kết hợp và hỗ trợ tối đa các dịch vụ đối với khách hàng để duy trì và mở rộng thị trường.

- Phát triển khối dịch vụ logistics theo hướng phát triển toàn diện vận tải đa phương thức và mở rộng mạng lưới dịch vụ bằng việc xây dựng hệ thống đại lý rộng khắp ở trong và ngoài nước nhằm tăng sức cạnh tranh.

- Đầu tư các ICD, các tổng kho phân phối ở những vị trí, địa điểm chiến lược được định hướng tạo thành chuỗi dịch vụ cùng các cảng đầu mối mà Tổng công ty có lợi thế về việc kết nối, qua đó thu hút các doanh nghiệp vào hoạt động và cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

- Tiếp tục đầu tư phương tiện, trang thiết bị để tăng năng lực phát triển thị trường vận tải thủy nội địa từ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đi đến thành phố

045
ỔN
NG
NG
ỆT I
3 DA

Hồ Chí Minh, khu vực Cái Mép - Thị Vải, khu vực phía Bắc tuyến Việt Trì - Hải Phòng, tuyến Khuyến Lương - Hải Phòng.

- Tìm kiếm những thị trường mới, những dòng chảy hàng hóa mà Tổng công ty là người khai phá hoặc ít doanh nghiệp đủ năng lực tham gia như phát triển thị trường tại Myanmar, thị trường Miền Trung và bám sát những khu kinh tế mới được công nhận như Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, ...

- Hoàn thiện nhân lực đối với lĩnh vực logistics. Đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ tinh thông nghiệp vụ và am hiểu luật pháp quốc tế.

- Tối ưu quy trình logistics, cung cấp các giải pháp hoàn thiện chuỗi logistics, giảm chi phí vận tải, phí xếp dỡ, phí lưu trữ, bao bì đóng gói, ...

- Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan hữu quan thiết lập, triển khai các ứng dụng mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ thông tin, áp dụng các phần mềm quản lý tiên tiến trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và quản lý khai thác.

Ban Chi đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên BCĐCPH;
- Lưu: VT, BCĐCPH.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**

**CHỦ TỊCH HĐQTV TỔNG CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM
Lê Anh Sơn**

**PHỤ LỤC SỐ 01: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 TẠI
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2020
I	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng		113.886
1	Dự án trung tâm phân phối hàng hóa tại Hà Nội	200.000	5.000
2	Dự án đầu tư xây dựng phát triển kho bãi khu vực ĐBSCL	21.800	14.386
3	Dự án trung tâm phân phối hàng hóa Long Bình	100.000	5.000
4	Dự án đầu tư kho bãi tại KCN Đồng Văn - Hà Nam	120.000	60.000
5	Dự án đầu tư xây dựng phát triển kho bãi khu vực ĐBSCL (giai đoạn 2)	19.000	15.000
6	Đầu tư bến tiếp nhận tàu 5.000 DWT tại Hậu Giang	14.500	14.500
II	Dự án mua sắm trang thiết bị		230.015
1	Đầu tư 02 sà lan chở than	220.000	150.000
2	Đầu tư 370 vỏ container của VLC	35.815	35.815
3	Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tòa nhà Ocean Park		2.300
4	Hệ thống camera giám sát		600
5	Mua xe ô tô 16 chỗ	3.640	1.300
6	Đầu tư 02 sà lan 312 Teus cho VCSC	60.000	40.000
III	Dự án công nghệ thông tin		11.800
1	Dự án quản lý kho, bãi WMS/YMS	3.000	1.000
2	Dự án hệ thống phần mềm quản lý khai thác cho cảng tổng hợp - Smart TOS	3.000	1.000
3	Dự án triển khai hệ thống tổng đài IP Phone	500	300
4	Dự án triển khai hệ thống giám sát hạ tầng CNTT (máy chủ, đường truyền, ...)	1.000	1.000



TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2020
5	Dự án đầu tư hệ thống phần mềm quản lý tài sản toàn Tổng công ty - AMS	5.000	2.000
6	Dự án đầu tư hệ thống phần mềm quản lý, chăm sóc khách hàng (CRM)	3.000	1.000
7	Dự án triển khai hệ thống hóa đơn điện tử, chữ ký số tập trung	2.000	500
8	Dự án công thông tin quản lý và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub	15.000	5.000
IV	Dự án khác		35.854
	Sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc Tổng công ty	12.000	11.798
	Sửa chữa, cải tạo sảnh G tòa nhà Ocean Park	8.000	4.608
	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kỹ thuật tòa nhà Ocean Park	19.448	19.448
V	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp		65.000
1	Trả tiền cho lợi ích của nhà đầu tư - Cảng Quy Nhơn		65.000
	Tổng cộng		456.555

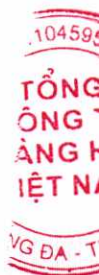
Ghi chú: Kế hoạch đầu tư năm 2020 căn cứ theo Tờ trình số 3023/TTr-HHVN ngày 31/12/2019 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.



**PHỤ LỤC SỐ 02: KẾ HOẠCH THOẢI VỐN NĂM 2020 TẠI
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (Tr. đồng)	Tỷ lệ Vinalines nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ Vinalines nắm giữ sau thoái vốn	Số lượng cổ phần thoái vốn
1	Công ty CP Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	1.400.000	51,00%	49,00%	2.800.000
2	Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (VITRANSCHART)	609.993	49,00%	0,00%	29.888.000
3	Công ty CP Vận tải biển Vinaship (VINASHIP)	200.000	51,00%	36,00%	3.000.000
4	Công ty CP phát triển khu công nghiệp Tín nghĩa	260.031	1,15%	0,00%	300.000
5	Tổng công ty Thương mại kỹ thuật và Đầu tư (PETEC)	2.488.775	0,02%	0,00%	47.844
6	Công ty CP Vận tải biển Hải Âu (SESCO)	50.000	26,46%	0,00%	1.323.000
7	Công ty CP Hợp tác lao động với nước ngoài (INLACO HAIPHONG)	61.004	24,9%	0,00%	1.518.750
8	Công ty CP Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	85.099	12,94%	0,00%	1.099.900
9	Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)	122.445	48,97%	0,00%	5.996.573
10	Công ty CP Vận tải biển và TM Phương Đông (OSTC)	200.560	49,00%	0,00%	9.827.440
11	Công ty CP Vinalines Nha Trang	50.593	98,34%	0,00%	939.558
12	Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI)	365.050	56,58%	50,00%	2.037.450
13	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao (TRANSVINA)	39.854	56,00%	51,00%	

Ghi chú: Kế hoạch thoái vốn năm 2020 căn cứ theo Tờ trình số 3023/TTr-HHVN ngày 31/12/2019 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.



**PHỤ LỤC SỐ 03: KẾ HOẠCH BÁN, THANH LÝ TÀU NĂM 2020
CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**

STT	Tên tàu	Tên doanh nghiệp	Năm đóng	Loại tàu	Tải trọng (DWT)	Nơi đóng
1	Vinalines Freedom	VLC	2009	Hàng khô	13.278	Việt Nam
2	Vinalines Green	VLC	1997	Hàng khô	47.271	Nhật Bản
3	Vinalines Galaxy	VLC	2007	Tàu dầu	50.530	Hàn Quốc
4	Vinalines Glory	VLC	2006	Tàu dầu	50.530	Hàn Quốc
5	Vinalines Diamond	VLC	2007	Container	13.716	Trung Quốc
	Tổng cộng				175.325	

Ghi chú: Kế hoạch bán, thanh lý tàu năm 2020 của Công ty mẹ - Tổng công ty căn cứ theo Tờ trình số 3023/TTr-HHVN ngày 31/12/2019 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trình Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

